

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2017/HNGĐ

Ngày 25/ 12/ 2017

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Bà Nguyễn Thị Tâm
- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 25/12/2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-ST ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị X - Sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Đội 10A , xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn L - Sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: Đội 10A , xã T, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/10/2017 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Lò Thị X (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Lò Văn L lấy nhau vào năm 1990, khi lấy nhau không đi đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức theo phong tục tập quán. Chúng tôi lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày c- ối đến tháng 09 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải mặc dù đã cố gắng nhiều lần, từ đó tôi và anh L đã sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tình cảm của tôi và anh L không còn Tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung:* Quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung, cháu đầu là Lò Văn H sinh ngày 12/3/1992, cháu thứ hai Lò Thị H, sinh ngày 17/7/1994. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

Tài sản chung, diện tích đất ruộng nương: Chúng tôi tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 anh Lò Văn L (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Lò Thị X lấy nhau năm 1990, không đi đăng ký kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi lấy nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống từ năm 1990 đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống. Tôi và cô X đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2015 cho đến nay. Cô X làm đơn ly hôn tôi đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

2. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung, cháu đầu là Lò Văn H sinh ngày 12/3/1992, cháu thứ hai Lò Thị H, sinh ngày 17/7/1994. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả: Nợ lấy về: Không có. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Tôi và cô X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung và tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh L chung sống với nhau từ năm 1990 không đăng ký kết hôn mà chỉ c-ới theo phong tục tập quán đã chung sống với nhau như vợ chồng. Việc anh chị lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc, tuy nhiên theo chị X thì vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến tháng 9/2015 mới phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, nhau bất đồng quan điểm sống, hòa giải cố gắng vẫn không thể hòa hợp dẫn đến hai vợ chồng đã ly thân gần 2 năm nay. Hiện tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh L. Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án anh L cũng có chung quan điểm như chị X hai anh chị mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị X xin ly hôn anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình cảm hai vợ chồng của chị X và anh L đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã ly thân nhiều năm theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X. Tuy nhiên từ năm 1990 đến năm 2015 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nhưng anh L và chị X vẫn không đăng ký kết hôn, đến ngày 26/10/2017 chị X đã yêu cầu Tòa án huyện Đ giải quyết ly hôn. Xét thấy nguyện vọng xin ly

hôn của chị X là phù hợp với qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên hôn nhân giữa chị X và anh L là hôn nhân không hợp pháp. Do vậy HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị X.

[2]. Về con chung: Hai anh chị có hai con chung, cháu đầu là Lò Văn H sinh ngày 12/3/1992, cháu thứ hai Lò Thị H, sinh ngày 17/7/1994. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên hai anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của 2 anh chị là phù hợp quy định tại Điều 70 của luật hôn nhân gia đình 2014 HĐXX chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả: Nợ lấy về: Không có.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Anh L và chị X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị X đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002673 ngày 26/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 70, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị X và anh Lò Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung của nguyên đơn và bị đơn.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị X đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002673 ngày 26/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/12/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T Y;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

